

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 45/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hậu Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Giao biên chế công chức, hợp đồng lao động, số lượng người làm việc
trong các Hội có tính chất đặc thù và phê duyệt biên chế viên chức
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức
và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của
Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự
nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của
Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan
hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định tuyển dụng công chức, viên chức,
nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng
một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp
công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ
Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị -
xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung
ương giai đoạn 2022 - 2026;*

Thực hiện Thông báo số 499-TB/VPTU ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét Tờ trình số 212/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết giao biên chế công chức, biên chế viên chức, hợp đồng lao động và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023, như sau:

1. Tổng số biên chế công chức năm 2023 là 1.453 biên chế (giảm 18 biên chế so với năm 2022), cụ thể:

- a) Biên chế giao các sở, ban, ngành cấp tỉnh: 831 biên chế.
- b) Biên chế giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: 622 biên chế.

2. Số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP):

- a) Trong các cơ quan, tổ chức hành chính: 136 người.
- b) Trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 729 người.

3. Số lượng người làm việc trong các tổ chức Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh: 98 người.

(Chi tiết theo các Phụ lục: I, II, III, IV đính kèm)

Điều 2. Phê duyệt số lượng biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023, như sau:

1. Số lượng biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 13.623 biên chế, (trong đó: tăng 199 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo; giảm 252 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2022 đối với các sự nghiệp còn lại).

2. Số lượng biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên là 1.095 biên chế.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định và quyết định giao biên chế viên chức trong các

đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý trong tổng số biên chế viên chức được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt và báo cáo về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Khi có quyết định của Trung ương giao biên chế năm 2023 cho Tỉnh, khác với số biên chế công chức, viên chức trong Nghị quyết này, giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 13 thông qua và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 12 năm 2022. *me*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Văn phòng Quốc hội (Cục Quản trị II);
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Nội vụ;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh Hậu Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Lưu: VT. *me*



CHỦ TỊCH

Trần Văn Huyền



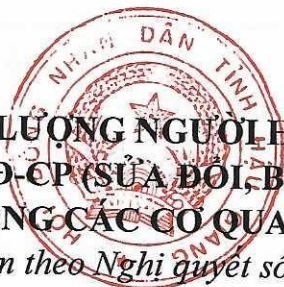
Phụ lục I

GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2023

*(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức giao năm 2022	Biên chế công chức giao năm 2023	Ghi chú
TỔNG CỘNG (A + B)		1471	1453	
A	CẤP TỈNH	848	831	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	32	33	
2	Văn phòng UBND tỉnh	61	60	
3	Sở Nội vụ	56	53	
4	Sở Tư pháp	27	27	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	33	33	
6	Sở Tài chính	55	54	
7	Sở Công Thương	38	38	
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	93	91	
9	Sở Giao thông vận tải	45	44	
10	Sở Xây dựng	39	38	
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	59	58	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	26	26	
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	50	48	
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	36	35	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	24	22	
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	47	47	
17	Sở Y tế	50	48	
18	Thanh tra tỉnh	27	27	
19	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	24	23	
20	Ban Dân tộc	17	17	
21	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	4	4	
22	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh	5	5	
B	CẤP HUYỆN	623	622	
1	Thành phố Vị Thanh	94	90	
2	Thành phố Ngã Bảy	80	79	

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức giao năm 2022	Biên chế công chức giao năm 2023	Ghi chú
3	Thị xã Long Mỹ	60	65	
4	Huyện Long Mỹ	57	63	
5	Huyện Vị Thủy	80	78	
6	Huyện Phụng Hiệp	88	88	
7	Huyện Châu Thành	82	80	
8	Huyện Châu Thành A	82	79	



Phụ lục II

GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP) TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2022 (ĐVT: người)	Số giao năm 2023 (ĐVT: người)	Ghi chú
TỔNG CỘNG (A + B)		136	136	
A	CẤP TỈNH	103	103	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	9	9	
2	Văn phòng UBND tỉnh	12	12	
3	Sở Nội vụ	5	5	
4	Sở Tư pháp	4	4	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4	4	
6	Sở Tài chính	4	4	
7	Sở Công Thương	4	4	
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7	7	
9	Sở Giao thông vận tải	5	5	
10	Sở Xây dựng	4	4	
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	6	6	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	4	4	
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4	4	
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4	4	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	4	4	
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	4	4	
17	Sở Y tế	5	5	
18	Thanh tra tỉnh	5	5	
19	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	4	4	
20	Ban Dân tộc	3	3	

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2022 (ĐVT: người)	Số giao năm 2023 (ĐVT: người)	Ghi chú
21	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	1	1	
22	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh	1	1	
B	CẤP HUYỆN	33	33	
1	Thành phố Vị Thanh	4	4	
2	Thành phố Ngã Bảy	4	4	
3	Thị xã Long Mỹ	4	4	
4	Huyện Long Mỹ	4	4	
5	Huyện Vị Thủy	4	4	
6	Huyện Phụng Hiệp	4	4	
7	Huyện Châu Thành	5	5	
8	Huyện Châu Thành A	4	4	



Phụ lục III

GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP)

TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2022 (ĐVT: người)	Số giao năm 2023 (ĐVT: người)	Ghi chú
TỔNG CỘNG (A +B +C + D + E)		729	729	
A	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	552	552	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	87	87	
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	0	0	
3	Trường THCS, Tiểu học, Mầm non cấp huyện	465	465	
3.1	Thành phố Vị Thanh	51	51	
3.2	Thành phố Ngã Bảy	54	54	
3.3	Thị xã Long Mỹ	50	50	
3.4	Huyện Long Mỹ	58	58	
3.5	Huyện Vị Thủy	44	44	
3.6	Huyện Phụng Hiệp	105	105	
3.7	Huyện châu Thành	52	52	
3.8	Huyện Châu Thành A	51	51	
B	SỰ NGHIỆP Y TẾ	60	60	
	Sở Y tế	60	60	
C	SỰ NGHIỆP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	2	2	
	Sở Khoa học và Công nghệ	2	2	
D	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	22	25	
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	22	25	
E	SỰ NGHIỆP KHÁC	93	90	
I	Cấp tỉnh	70	67	
1	Văn phòng UBND tỉnh	2	2	
2	Sở Nội vụ	2	2	
3	Sở Tư pháp	1	1	

4	Sở Tài chính	4	4	
5	Sở Công Thương	1	1	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	2	
7	Sở Giao thông vận tải	2	2	
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	4	4	
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	14	14	
10	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	0	0	
11	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	0	0	
12	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	7	7	
13	Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh	3	3	
14	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang	28	25	
II	Cơ quan, đơn vị cấp huyện	23	23	
1	Thành phố Vị Thanh	2	2	
2	Thành phố Ngã Bảy	3	3	
3	Thị xã Long Mỹ	3	3	
4	Huyện Long Mỹ	3	3	
5	Huyện Vị Thủy	3	3	
6	Huyện Phụng Hiệp	3	3	
7	Huyện Châu Thành	3	3	
8	Huyện Châu Thành A	3	3	



Phụ lục IV
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
TRONG CÁC HỘI CƠ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ CẤP TỈNH NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2022 (ĐVT: người)	Số giao năm 2023 (ĐVT: người)	Ghi chú
TỔNG SỐ		98	98	
1	Liên minh Hợp tác xã	26	26	
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	13	13	
3	Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh	8	8	
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	17	17	
5	Hội Luật gia	4	4	
6	Hội Nhà báo	4	4	
7	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	3	3	
8	Hội Bảo trợ Người khuyết tật - Trẻ mồ côi - Bệnh nhân nghèo	5	5	
9	Hội Khuyến học	5	5	
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong	3	3	
11	Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật	3	3	
12	Ban đại diện Hội người cao tuổi	3	3	
13	Hội Người mù	4	4	